

Số: 42/2024/QĐST-HNGĐ

Ba Đồn, ngày 24 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 236 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và các điểm b, d Điều 1.3 Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Trung K, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bình D, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản và giá trị tài sản: tài sản là thửa đất số 2019, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.312,9m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 242598, số vào sổ cấp GCN CS 07577 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/6/2022 mang tên ông Trịnh Trung K và bà Nguyễn Thị Bình D. Có giá trị theo giá thị trường là 2.625.800.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

2.2. Phương án chia tài sản chung: thửa đất trên được tách thành 03 thửa, có sơ đồ bản vẽ, cụ thể như sau:

Thửa thứ nhất (Thửa số 1): Diện tích 160,9 m², trong đó đất ở tại nông thôn 160,9 m², đất trồng cây hàng năm khác 0m². Vị trí tiếp giáp như sau: phía Đông (Điểm 1 đến 2 theo sơ đồ bản vẽ) dài 40,29m, tiếp giáp thửa 176 (Của gia đình bà Nguyễn Thị H); phía Bắc (Điểm 2 đến 3) dài 4,0m tiếp giáp đất thủy lợi; phía Tây (Điểm 3 đến 4) dài 40,21 m tiếp giáp với thửa số 2 (Đang dự kiến phân chia); phía Nam (Điểm 1 đến 4) dài 4,0m tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng; có giá trị 321.800.000 đồng (160,9 m² x 2.000.000 đồng/m²).

Thửa thứ hai (Thửa số 2): Diện tích 160,6 m², trong đó đất ở tại nông thôn 160,6 m², đất trồng cây hàng năm khác 0m². Vị trí tiếp giáp như sau: phía Nam (Điểm 4 đến 5) dài 4,0m tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng; phía Đông (Điểm 3 đến 4) dài 40,21 m tiếp giáp với thửa số 1 (Đang dự kiến phân chia); phía Bắc (Điểm 3 đến 6) dài 4,0m tiếp giáp đất thủy lợi; phía Tây (Điểm 5 đến 6) dài 40,11 m tiếp giáp với thửa số 3 (Đang dự kiến phân chia); có giá trị 321.200.000 đồng (160,6 m² x 2.000.000 đồng/m²).

Thửa thứ ba (Thửa số 3): Diện tích 991,4 m², trong đó đất ở tại nông thôn 686,6 m², đất trồng cây hàng năm khác 304,8m². Vị trí tiếp giáp như sau: phía Đông (Điểm 5 đến 6) dài 40,11m, tiếp giáp thửa số 2 (Đang dự kiến phân chia); phía Bắc (Điểm 6 đến 7) dài 4,0 m; (Điểm 7 đến 8) dài 2,14 m; (Điểm 8 đến 9) dài 20,28m, tổng các điểm (Từ điểm 6 đến điểm 9) dài 26,42m, tiếp giáp với đất thủy lợi; phía Tây (Điểm 9 đến 10) dài 38,36m tiếp giáp với thửa số 205 (Của gia đình ông Đặng Văn S); phía Nam (Điểm 10 đến 11) dài 21,74 m, (Điểm 5 đến 11) dài 2,01m, tổng các điểm từ 5 đến 11 dài 23,75 m, tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng; có giá trị 1.982.800.000 đồng (991,4 m² x 2.000.000 đồng/m²).

Giao cho bà Nguyễn Thị Bình D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất thứ nhất (Thửa số 1); giao cho ông Trịnh Trung K được quyền quản lý, sử dụng thửa đất thứ hai (Thửa số 2); ông Trịnh Trung K và bà Nguyễn Thị Bình D quyền quản lý, sử dụng tài sản chung hợp nhất thửa đất thứ ba (Thửa số 3).

2.3. Về án phí sơ thẩm: ông Trịnh Trung K nhận nộp toàn bộ 51.817.000 đồng (*Năm mươi một triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng*) án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Kiên đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003262 ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại

chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, số tiền còn lại 51.517.000 đồng (*Năm mươi một triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*), ông K phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trịnh Trung K thỏa thuận chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức